

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chu Y.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2020/TLHNGĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp LC, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm: 1975. Địa chỉ: ấp LC, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà tự tìm hiểu rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau làm ăn sinh sống để nuôi

con. Nhưng một thời gian sau thì vợ chồng sống không hạnh phúc vì tình cảm vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hoà thuận nhưng mâu thuẫn ngày càng phức tạp vợ chồng tiếp tục bất hòa dẫn đến ly thân từ cuối năm 2019. Từ khi ly thân vợ chồng không có hàn gắn. Xét thấy tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà xin ly hôn với ông Võ Thanh T.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Võ Thành T1, sinh ngày 25/8/1996 và Võ Thị Trúc L, sinh ngày 24/01/1998 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không tranh chấp về nuôi con.

- Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Ông Võ Thanh T trình bày tại Bản tự khai ngày 25/01/2021 quá trình giải quyết tại Tòa án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Vợ chồng sống không hòa hợp nên thường xuyên gây gổ, ly thân từ cuối năm 2019. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng không hòa giải được chung sống với nhau không còn hạnh phúc. Nay bà H ông yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Võ Thành T1, sinh ngày 25/8/1996 và Võ Thị Trúc L, sinh ngày 24/01/1998 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông không tranh chấp về nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên hòa giải ngày 29/01/2021, bà H và ông T đã thống nhất thuận tình ly hôn và được Tòa án lập biên bản hòa giải thành nội dung các đương sự tự thỏa thuận như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Võ Thanh T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Võ Thanh T thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thành T1, sinh ngày 25/8/1996 và Võ Thị Trúc L, sinh ngày 24/01/1998 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà H và ông T không tranh chấp về nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Võ Thanh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Ông Võ Thanh T không phải chịu án phí.

Ngày 05/2/2021, ông T có đơn xin thay đổi yêu cầu, yêu cầu Tòa án hoãn việc ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn để vợ chồng ông bàn chuyện gia đình để đoàn tụ. Sau đó Tòa án triệu tập họp lệ ông T đến Tòa để tham gia hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T; con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết, tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về án phí: bà H phải chịu án phí, ông T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, ông T có nơi cư trú tại ấp LC, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết, ông T đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo họp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 19/8/2002 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Ông bà kết hôn và chung sống từ năm 2002, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đời sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống. Ông bà ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay không hàn gắn được. Ông T có quan điểm không rõ ràng, nhất quán: đã thuận tình ly hôn, trong thời hạn 07 ngày sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải thành thì ông thay đổi ý kiến yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng sau đó Tòa án triệu tập ông T để tiến hành hòa giải nhưng ông vắng mặt không có lý do. Xét thấy thời gian ly thân của ông bà đến nay đã lâu, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T thống nhất trình bày có 02 con chung tên Võ Thành T1, sinh ngày 25/8/1996 và Võ Thị Trúc L, sinh ngày 24/01/1998 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà H và ông T không tranh chấp về nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông bà thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Thanh T không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Võ Thanh T

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị H được ly hôn với ông Võ Thanh T.

- Về con chung: Ghi nhận bà Lê Thị H và ông Võ Thanh T thống nhất trình bày có 02 con chung tên Võ Thành T1, sinh ngày 25/8/1996 và Võ Thị Trúc L, sinh ngày 24/01/1998 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà H và ông T không tranh chấp về nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H, ông T không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0014549 ngày 29/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà H đã thi hành xong. Ông Võ Thanh T không phải chịu án phí.

3. Bà Lê Thị H và ông Võ Thanh T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y